TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2019/QĐST-HNGĐ	*Hải An, ngày 25 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Ngô Thị Thu TR; nơi cư trú: Số 111 HĐ2, phường ĐH2, quận Hải An, Hải Phòng;

Anh Trần Quang H; nơi cư trú: Số 111 HĐ2, phường ĐH2, quận Hải An, Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu TR và anh Trần Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới vào năm 2004. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng vào ngày 20/3/2004. Theo chị TR và anh H xác nhận: Do bất đồng về quan điểm sống, tính cách nên quá trình chung sống giữa hai vợ chồng nảy sinh Nều mâu thuẫn. Cả hai không tìm được tiếng nói chung khiến bất đồng ngày càng lớn. Mặc dù gia đình hai bên cũng như bản thân anh chị đã Nều lần cố

gắng hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn, tiếp tục duy trì hôn nhân nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của cuộc sống. Nay chị TR và anh H đều nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn cũng như đời sống hôn nhân nên có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị TR và anh H có 02 con chung Trần Hà M, sinh ngày 20/3/2005 và Trần Bảo N, sinh ngày 15/9/2008. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, chị TR là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị TR và anh H là tự nguyện, phù hợp với điều kiện sinh hoạt và phát triển của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị TR và anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị TR và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị TR và anh H tự nguyện chịu mỗi người 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị Thu TR và anh Trần Quang H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao hai con chung Trần Hà M, sinh ngày 20/3/2005 và Trần Bảo N, sinh ngày 15/9/2008 cho chị TR trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Chị TR và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị TR và anh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị TR và anh H đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0016430 và 0016431 ngày 08 tháng 01 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 2, quận Hải An; HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Lương Thị Hải Hà